

Bản án số: 362/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022
V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2022, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tân Thị H**, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn S**, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn V, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội.

(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn đề ngày 20/5/2022, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện K cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Tân Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tân Thị H và anh Nguyễn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị H và anh S làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, Hà Nội ngày 17/3/2015. Sau khi kết hôn vợ, chồng chị H và anh S về chung sống với nhau ở xã V, huyện K, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh S ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị H cũng đã nhiều lần tha thứ và khuyên bảo anh S thay đổi nhưng anh S vẫn chứng nào, tật nấy. Vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, có khi xảy ra xô xát do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau trong nhiều vấn đề của cuộc sống, đặc biệt trong vấn đề về kinh tế. Cuộc sống vợ chồng anh chị trở nên mệt mỏi, không còn hạnh phúc. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì chị H, anh S đã cố gắng cải thiện tình cảm, quan hệ vợ chồng; đồng thời được gia đình hai bên đã khuyên giải, vun vén cho vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài nhiều năm. Chị H không thể tiếp tục sống chung với anh S được nữa. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân, cắt đứt hoàn toàn quan hệ tình cảm, sinh lý từ tháng 10 năm 2021 đến nay, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị là ông Tân Văn Vân và bà Nguyễn Thị Ngà ở Thôn M, xã T. Còn anh S vẫn đang sinh sống ở thôn V, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh, chị không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình được nữa. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để chị sớm ổn định cuộc sống và nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/10/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H trình bày có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường S và nêu được Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được nuôi cháu S thì chị H không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác, không trình bày nội dung nào khác.

Bị đơn - Anh Nguyễn S: Không có lời khai tại Tòa vì quá trình giải quyết vụ án, anh S không hợp tác, không gửi ý kiến của mình cho Tòa án và chưa bao giờ đến Tòa để trình bày quan điểm của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến trả lời về việc chị Tân Thị H xin ly hôn.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì vắng mặt bị đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc xét xử

vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

Chị Tân Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn S và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án.

Anh Nguyễn S vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại phiên tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Tân Thị H được ly hôn với Anh Nguyễn S.

Về con chung: Xử giao cho chị Tân Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/10/2015. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S cho đến khi cháu Nguyễn Trường S trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Trong vụ án, bị đơn là anh Nguyễn S có Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú tại huyện K, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn – Chị Tân Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa; chị H đã có lời khai tại Tòa án đồng thời chị có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên

tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn, anh Nguyễn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tân Thị H và anh Nguyễn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị H và anh S làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 17/3/2015. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ, chồng chị H, anh S chung sống hoà thuận được được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

[3]. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng: Căn cứ vào những lời khai của chị H và các biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa pH, ý kiến của bố chị H là ông Tân Văn Vân, ý kiến của bố và mẹ anh S là ông Nguyễn Văn Thảo và bà Lưu Thị Thanh Lương. Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình vợ chồng anh, chị chung sống với nhau sau khi kết hôn ở thôn V, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh S mải chơi, không có việc làm và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng còn do kinh tế gia đình khó khăn. Chị H đã nhiều lần phải trả nợ cho anh S. Chị H đã nhiều lần tha thứ và khuyên bảo anh S thay đổi nhưng anh S vẫn chứng nào tật nấy. Vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra cãi vã, có khi xảy ra xô xát do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau trong nhiều vấn đề của cuộc sống. Cuộc sống vợ chồng trở nên mệt mỏi, không còn hạnh phúc. Chị H đã cố gắng cải thiện tình cảm, quan hệ vợ chồng; đồng thời gia đình hai bên đã khuyên giải, vun vén cho vợ chồng anh, chị nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã kéo dài nhiều năm. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Chị H không thể tiếp tục sống chung với anh S được nữa vì vậy vợ chồng anh, chị đã ly thân, cắt đứt hoàn toàn quan hệ tình cảm, sinh lý từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Thôn M, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội sinh sống từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Còn anh S vẫn đang sinh sống ở thôn V, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn được mâu thuẫn, chị H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để chị sớm ổn định cuộc sống và nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh S đều vắng mặt. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa pH nhiều lần đến tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh S đều không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua đó thể hiện anh S không có ý thức hàn gắn tình cảm khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị H và anh S đã sống ly thân. Vợ, chồng anh chị không quan tâm đến nhau và không chung sống

với nhau được một thời gian dài. Như vậy, chị H trình bày là vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2021 là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quy định: “*Vợ chồng phải, tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và xã hội*”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của chị H và anh S không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt. Do vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị H và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/10/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H trình bày khi ly hôn với anh S chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường S, chị H không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu Trường S trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

[5]. Xét về điều kiện nuôi dưỡng: Xét yêu cầu, đề nghị giải quyết việc nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với chị H, hiện nay chị H đang làm lao động tự do, làm móng và làm mi, chị H có công việc và thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Bố đẻ chị H là ông Tân Văn Vân (Chủ hộ gia đình) có ý kiến nếu chị H ly hôn với anh S thì gia đình đồng ý cho chị H và con của chị là cháu S được ở lâu dài cùng với gia đình bên ngoại trên nhà đất của ông.

Đối với anh S hiện nay làm nghề giao hàng, thu nhập không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, xét xử anh S đều vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án và tại phiên tòa nên việc trình bày ý kiến, nguyện vọng về con chung của anh S không có và qua đó cũng thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của anh S chưa tốt.

Tất cả trẻ em đều mong muốn sống trong gia đình có đầy đủ cả bố mẹ, khi có sự chăm sóc của bố mẹ thường xuyên, đầy đủ sẽ làm cho các cháu có tâm lý ổn định. Tuy nhiên, sống trong một gia đình mà suốt ngày phải nghĩ đến cảnh trả nợ và xảy ra những mâu thuẫn, những cuộc cãi vã cũng ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung của chị H, anh S và cũng như để đảm bảo quyền lợi của cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/10/2015 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý, đúng với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị H.

Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh S phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án đã giải thích pháp luật cho chị H về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối

với anh S cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[6]. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tân Thị H đối với anh Nguyễn S. Chị Tân Thị H được ly hôn với anh Nguyễn S.

2. Về con chung: Giao cho Chị Tân Thị H là mẹ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/10/2015. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn S cho đến khi cháu Nguyễn Trường S trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Anh Nguyễn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tân Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0073302, ngày 30/5/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K nay được chuyển thành án phí. Chị Tân Thị H không phải nộp thêm tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn - Chị Tân Thị H và bị đơn – Anh Nguyễn S. Báo cho chị H, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- T.H.A DS huyện K;
- UBND xã V, K, Hà Nội;
- (Giấy CNKH số 38; ngày 17/3/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án; Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thành Nam